| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THUẬN AN**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 24-4-2024
V/v: Tranh chấp về
hợp đồng cầm cố tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Trọng Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị Thiện và bà Võ Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 311/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1990 – chủ hộ kinh doanh QCD; địa chỉ: X khu phố Y, phường Ap, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1974; địa chỉ: XZ, khu phố BT 1, phường TG, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Giấy ủy quyền ngày 17/5/2023). Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1968; địa chỉ: S, khu phố Y, phường AP, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn do ông Nguyễn Thành N đại diện trình bày***:**

Theo hợp đồng cầm cố tài sản số 04 ngày 18/02/2019, ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ có nhận cầm cố của ông Hồ Văn T1 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH 150i mang biển kiểm soát 61B1-076.67 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thanh T3, số tiền cầm cố là 180.000.000 đồng thời hạn 01 tháng kể từ ngày 18/02/2019, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 3%/tháng, sau đó ông T1 không chuộc lại tài sản cũng không trả tiền lãi cho ông T. Ngày 28/9/2019, Công an phường An Phú lập biên bản tạm giữ chiếc xe kèm giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên. Do xe và giấy chứng nhận đăng ký xe bị tạm giữ nên ông Tú không thanh lý tài sản để thu hồi vốn được. Sau khi Công an phường An Phú thu hồi chiếc xe, ông Tú mới biết chiếc xe

nêu trên thuộc quyền sở hữu của ông Trần Thanh T3, ông T3 cho ông T1 thuê chiếc xe nêu trên và cơ quan công an đã trả chiếc xe này cho ông Trần Thanh T3. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) theo hợp đồng cầm cố tài sản số 04 ngày 18/02/2019 và tiền lãi từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/9/2023 là 56 tháng số tiền là 180.000.000 đồng x 3%/tháng x 56 tháng = 302.400.000 đồng; tổng cộng là 482.400.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ khoản tiền gốc cầm cố tài sản là 180.000.000 đồng; yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ khoản tiền lãi tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/3/2024 là 61 tháng với lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) với số tiền là 91.134.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 271.134.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*Bị đơn là ông Hồ Văn T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng nhiều lần không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu:

- Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc tranh luận Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền khi tham gia tố tụng, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cầm cố tài sản số 04 ngày 18/02/2019. Theo hợp đồng thể hiện Bên A (ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ) nhận cầm cố của Bên B (ông Hồ Văn T1) chiếc xe máy Honda SH 150i biển số 61B1-076.67 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe tên Trần Thanh T3, số tiền cầm cố, thế chấp là 180.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày 18/02/2019. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng bị đơn không đến làm việc và cũng không trả lại tiền cho nguyên đơn đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại số tiền 180.000.000 đồng cầm cố là có căn cứ. Đối với tiền lãi, đại diện hợp pháp nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với lãi suất 0.83%/tháng (tương đương 10%/năm) là phù hợp quy định của pháp luật. Tại hợp đồng, do hai bên không ghi rõ thỏa thuận về lãi suất nên căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 lãi suất không được vượt quá 50% của quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại phường An Phú, thành phố Thuận An vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của họ theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn:

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn nộp "Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản" số 04 ngày 18/02/2019 có chữ ký, dấu vân tay ghi tên Hồ Văn T1 và chữ kí của ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ. Theo nội dung của Hợp đồng cầm cố này, bị đơn cầm cố cho nguyên đơn chiếc xe máy Honda SH 150i biển số 61B1-076.67 kèm cavet Trần Thanh T3, số tiền cầm cố là 180.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng kể từ ngày 18/02/2019.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả số tiền cầm cố 180.000.000đ và tiền lãi từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/9/2023 là 56 tháng số tiền là 180.000.000 đồng x 3%/tháng x 56 tháng = 302.400.000 đồng; tổng cộng là 482.400.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ khoản tiền gốc cầm cố tài sản 180.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/3/2024 là 61 tháng với lãi suất 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) với số tiền là 91.134.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 271.134.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

[3] Xét thấy, trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Vì vậy, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng cầm cố tài sản về việc nguyên đơn nhận cầm cố của bị đơn chiếc xe Honda SH 150i với số tiền 180.000.000 đồng, hợp đồng được hai bên ký tên. Theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 46F8032264 do UBND thị xã, nay là thành phố Thuận An cấp cho hộ kinh doanh QCĐ đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/8/2017 với ngành nghề kinh doanh là dịch vụ cầm đồ; kinh doanh ăn uống bình dân, đại diện hộ kinh doanh là ông Nguyễn Thành T. Do hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn số 04 ngày 18/02/2019 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Theo trình bày của nguyên đơn, chiếc xe bị Công an thành phố Thuận An thu giữ tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 28/9/2019 do ông Trần Thanh T3 là chủ xe có đơn tố cáo, chiếc xe đã được trả lại cho ông Trần Thanh T3 nên nguyên đơn không có tài sản để xử lý, thu hồi số tiền đã cầm cố. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã nhận là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Tại hợp đồng cầm cố tài sản ngày 18/02/2019 hai bên không thỏa thuận rõ về lãi suất cầm cố tài sản, theo trình bày của nguyên đơn thì hai bên có thỏa thuận lãi 3%/tháng. Tuy nhiên, đây chỉ là trình bày của nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xác định mức lãi suất như nêu trên. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với

lãi suất 0,83%/tháng tương đương 10%/năm, tính từ ngày 18/02/2019 đến ngày 18/3/2024 là 61 tháng với số tiền lãi là 180.000.000 đồng x 0,83%/tháng = 91.134.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Khoản 1 Điều 468 quy định *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay ..."*. Như vậy, do các bên không thỏa thuận rõ lãi suất trong hợp đồng nên lãi suất được xác định là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định của Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ về việc buộc ông Hồ Văn T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ số tiền cầm cố tài sản và tiền lãi do chậm trả. Cụ thể: Buộc ông Hồ Văn T1 phải trả cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ số tiền cầm cố tài sản 180.000.000 đồng và tiền lãi (180.000.000 đồng x 0,83%) x 61 tháng = 91.134.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 271.134.000 đồng.

[6] Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 309, 310, 311, 312, 313, 314; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ đối với bị đơn ông Hồ Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

- Buộc ông Hồ Văn T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ số tiền cầm cố tài sản là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 91.134.000 đồng; tổng cộng là 271.134.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu ông Hồ Văn T1

chậm trả thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tính trên số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Hồ Văn T1 phải chịu 13.556.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Trả lại cho ông Nguyễn Thành T – chủ hộ kinh doanh QCĐ số tiền 11.648.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0013158 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Của Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Vũ Trọng Quân**